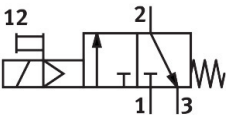


# **Van đóng mở** **MS6N-EE-3/8-10V24-S-Z** Số bộ phận: 542617

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                                           |
| Nút ghi đè                                                 | quét                                                          |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| Chức năng van                                              | 3/2 đóng đơn ổn định                                          |
| Áp suất vận hành                                           | 4 bar...10 bar                                                |
| Giá trị C                                                  | 22 l/s*bar                                                    |
| giá trị b                                                  | 0.5                                                           |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 5500 l/ph                                                     |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 2,5 W                                                |
| Dao động điện áp cho phép                                  | +/- 10 %                                                      |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...50 °C                                                |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                                |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                        |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 816 g                                                         |
| Cổng nối khí nén 1                                         | 3/8 NPT                                                       |
| Cổng nối khí nén 2                                         | 3/8 NPT                                                       |

| Đặc tính                     | Giá trị                                                         |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Cổng nối khí nén 3           | G1/2                                                            |
| kiểm soát cung cấp không khí | trong                                                           |
| Cổng nối điện                | Dạng C<br>Phích cắm<br>theo DIN EN 175301-803<br>thiết kế vuông |
| Vật liệu của phốt            | NBR                                                             |
| Vật liệu vỏ                  | Nhôm đúc áp lực                                                 |